ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2628/QĐ-UBND	*Hưng Yên, ngày 07 tháng 12 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh trong thực hiện các Chỉ số cải cách nền hành chính năm 2023

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định đánh giá năng lực thực hiện các Chỉ số cải cách nền hành chính tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: số 2238/QĐ-UBND ngày 25/10/2023 về việc ban hành danh mục các Chỉ số cải cách nền hành chính tỉnh Hưng Yên năm 2023; số 2555/QĐ-UBND ngày 29/11/2023 về việc phê duyệt và công bố Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố năm 2023; số 2556/QĐ-UBND ngày 29/11/2023 về việc phê duyệt và công bố Chỉ số cải cách hành chính của các cơ quan cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố năm 2023; số 2557/QĐ-UBND ngày 29/11/2023 về việc phê duyệt và công bố Chỉ số nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) năm 2023; số 2558/QĐ-UBND ngày 29/11/2023 phê duyệt và công bố Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, cấp huyện (DDCI) năm 2023; số 2559/QĐ-UBND ngày 29/11/2023 về việc xếp loại kết quả thực hiện công tác dân vận chính quyền đối với các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện năm 2023; số 2599/QĐ-UBND ngày 05/12/2023 về việc công bố kết quả đánh giá, xếp hạng mức độ chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước tỉnh Hưng Yên năm 2023;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 594/TTr-SNV ngày 05/12/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh trong thực hiện các Chỉ số cải cách nền hành chính năm 2023 *(Chi tiết tại Phụ lục I, II kèm theo)*.

Kết quả đánh giá này được gửi Ban Thường vụ Tỉnh ủy làm căn cứ xem xét, đánh giá, xếp loại đối với cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý theo quy định.

Điều 2. Trên cơ sở các Quyết định của UBND tỉnh công bố kết quả các Chỉ số cải cách nền hành chính năm 2023, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị tổ chức đánh giá và công bố mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cá nhân liên quan trong thực hiện các Chỉ số cải cách nền hành chính thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định tại Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của Uỷ ban nhân dân tỉnh; sử dụng kết quả đánh giá làm cơ sở đánh giá, xếp loại năm 2023 và bố trí, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Trần Quốc Văn

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đài PTTH Hưng Yên; Báo Hưng Yên;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh;
- CV: HCQT[Đức];
- Lưu: VT, CVNC[NH].

Ký bởi: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
Thời gian ký: 07/12/2023 15:20:20

Phụ lục I

ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CÁC CƠ QUAN CẤP TỈNH TRONG THỰC HIỆN CÁC CHỈ SỐ CẢI CÁCH NỀN HÀNH CHÍNH TỈNH HƯNG YÊN NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 2628/QĐ-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh Hưng Yên)

Stt	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị công tác	Năm 2023				Trong đó:											
			Mức độ hoàn thành	Phần trăm tổng điểm đạt được so với tổng điểm tối đa được đánh giá	Tổng điểm đạt được	Tổng điểm tối đa được đánh giá	Chỉ số CCHC		Chỉ số SIPAS		Chỉ số PAPI		Chỉ số DDCI		Chỉ số DTI		Chỉ số dân vận chính quyền	
							Điểm tối đa	Điểm đạt được	Điểm tối đa	Điểm đạt được	Điểm tối đa	Điểm đạt được	Điểm tối đa	Điểm đạt được	Điểm tối đa	Điểm đạt được	Điểm tối đa	Điểm đạt được
			(1)	(2)=(3)/(4)*100	(3)=2*(6)+(8)+(10)+(12)+(14)+(16)	(4)=2*(5)+(7)+(9)+(11)+(13)+(15)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
1	Đinh Hồng Quyên	Phó Chánh Văn phòng phụ trách, điều hành Văn phòng UBND tỉnh	HTXSNV	88.58	531.46	600.00	100.00	88.90	-	-	100.00	89.79	100.00	93.33	100.00	78.04	100.00	92.50
2	Lê Quang Hòa	Giám đốc Sở Nội vụ	HTXSNV	87.89	615.26	700.00	100.00	91.06	100.00	86.92	100.00	91.82	100.00	86.77	100.00	69.62	100.00	98.00
3	Nguyễn Đức Tải	Giám đốc Sở Tài chính	HTXSNV	86.51	605.56	700.00	100.00	91.67	100.00	83.89	100.00	88.01	100.00	79.37	100.00	72.44	100.00	98.50
4	Trần Tùng Chuẩn	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	HTTNV	86.51	605.60	700.00	100.00	91.52	100.00	81.76	100.00	86.46	100.00	84.29	100.00	72.56	100.00	97.50
5	Nguyễn Anh Hào	Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH - HĐND tỉnh	HTTNV	83.25	416.27	500.00	100.00	81.78	-	-	100.00	88.38	-	-	100.00	70.33	100.00	94.00
6	Nguyễn Văn Thơ	Giám đốc Sở Công thương	HTTNV	83.22	582.56	700.00	100.00	84.06	100.00	80.41	100.00	85.25	100.00	80.98	100.00	69.80	100.00	98.00
7	Đỗ Minh Tuân	Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT	HTTNV	82.83	579.84	700.00	100.00	83.78	100.00	77.21	100.00	84.90	100.00	80.97	100.00	72.70	100.00	96.50
8	Bùi Văn Sỹ	Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông	HTTNV	82.34	576.37	700.00	100.00	81.99	100.00	83.07	100.00	86.52	100.00	75.30	100.00	72.99	100.00	94.50
9	Trần Minh Hải	Giám đốc Sở Giao thông vận tải	HTTNV	81.92	573.41	700.00	100.00	80.38	100.00	85.28	100.00	85.68	100.00	81.15	100.00	65.55	100.00	95.00

Stt	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị công tác	Năm 2023				Trong đó:											
			Mức độ hoàn thành	Phần trăm tổng điểm đạt được so với tổng điểm tối đa được đánh giá	Tổng điểm đạt được	Tổng điểm tối đa được đánh giá	Chỉ số CCHC		Chỉ số SIPAS		Chỉ số PAPI		Chỉ số DDCI		Chỉ số DTI		Chỉ số dân vận chính quyền	
							Điểm tối đa	Điểm đạt được	Điểm tối đa	Điểm đạt được	Điểm tối đa	Điểm đạt được	Điểm tối đa	Điểm đạt được	Điểm tối đa	Điểm đạt được	Điểm tối đa	Điểm đạt được
10	Nguyễn Đình Chung	Giám đốc Sở Tư pháp	HTTNV	81.75	572.28	700.00	100.00	82.36	100.00	82.42	100.00	83.36	100.00	80.98	100.00	66.30	100.00	94.50
11	Cao Quang Hưng	Giám đốc Sở Xây dựng	HTTNV	81.39	569.76	700.00	100.00	83.23	100.00	82.99	100.00	83.86	100.00	81.55	100.00	58.39	100.00	96.50
12	Nguyễn Tuấn Cường	Trưởng Ban Quản lý khu ĐHPH	HTTNV	81.29	406.43	500.00	100.00	80.81	-	-	100.00	87.69	-	-	100.00	63.12	100.00	94.00
13	Vũ Quốc Nghị	Phó Trưởng ban phụ trách Ban Quản lý các KCN tỉnh	HTTNV	80.82	565.74	700.00	100.00	77.56	100.00	82.69	100.00	84.50	100.00	81.38	100.00	67.05	100.00	95.00
14	Đặng Văn Diên	Giám đốc Sở Lao động - TBXH	HTTNV	80.49	563.40	700.00	100.00	83.81	100.00	83.99	100.00	86.76	100.00	76.94	100.00	69.10	100.00	79.00
15	Nguyễn Văn Phê	Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo	HTTNV	80.07	560.46	700.00	100.00	77.99	100.00	82.52	100.00	84.42	100.00	77.77	100.00	73.28	100.00	86.50
16	Đỗ Hữu Nhân	Giám đốc Sở Văn hóa - TTDL	HTTNV	79.68	557.73	700.00	100.00	81.03	100.00	80.00	100.00	84.41	100.00	71.77	100.00	67.98	100.00	91.50
17	Nguyễn Thị Anh	Giám đốc Sở Y tế	HTTNV	79.56	556.91	700.00	100.00	80.01	100.00	80.94	100.00	83.65	100.00	74.85	100.00	68.95	100.00	88.50
18	Trịnh Văn Diễn	Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư	HTTNV	77.08	539.56	700.00	100.00	73.35	100.00	80.61	100.00	78.28	100.00	85.18	100.00	54.79	100.00	94.00
19	Nguyễn Văn Phú	Giám đốc Sở Tài nguyên và MT	HTTNV	74.65	522.55	700.00	100.00	70.48	100.00	79.67	100.00	77.52	100.00	76.17	100.00	57.74	100.00	90.50
20	Đào Văn Sơn	Chánh Thanh tra tỉnh	HTTNV	73.57	514.98	700.00	100.00	75.50	100.00	63.70	100.00	71.18	100.00	78.66	100.00	54.45	100.00	96.00
21	Nguyễn Ngọc Sơn	Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư công trình giao thông - xây dựng	HTTNV	73.34	220.02	300.00	100.00	64.01	-	-	-	-	-	-	-	-	100.00	92.00

Stt	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị công tác	Năm 2023				Trong đó:											
			Mức độ hoàn thành	Phần trăm tổng điểm đạt được so với tổng điểm tối đa được đánh giá	Tổng điểm đạt được	Tổng điểm tối đa được đánh giá	Chỉ số CCHC		Chỉ số SIPAS		Chỉ số PAPI		Chỉ số DDCI		Chỉ số DTI		Chỉ số dân vận chính quyền	
							Điểm tối đa	Điểm đạt được	Điểm tối đa	Điểm đạt được	Điểm tối đa	Điểm đạt được	Điểm tối đa	Điểm đạt được	Điểm tối đa	Điểm đạt được	Điểm tối đa	Điểm đạt được
22	Nguyễn Thị Thu Hoài	Giám đốc Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Hưng Yên	HTTNV	73.07	219.20	300.00	100.00	65.85	-	-	-	-	-	-	-	-	100.00	87.50
23	Lê Hoàng Hà	Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Hưng Yên	HTTNV	71.95	215.84	300.00	100.00	63.42	-	-	-	-	-	-	-	-	100.00	89.00
24	Nguyễn Văn Tập	Giám đốc Quỹ Phát triển đất tỉnh	HTTNV	71.65	214.96	300.00	100.00	61.23	-	-	-	-	-	-	-	-	100.00	92.50
25	An Thị Vui	Phó Hiệu trưởng điều hành Trường Cao đẳng Y tế Hưng Yên	HTTNV	70.11	210.32	300.00	100.00	64.16	-	-	-	-	-	-	-	-	100.00	82.00
26	Trần Thanh Liêm	Hiệu trưởng Trường Cao đẳng KTKT Tô Hiệu Hưng Yên	HTTNV	67.70	203.10	300.00	100.00	66.05	-	-	-	-	-	-	-	-	100.00	71.00

Ghi chú:

- Điểm các Chỉ số được quy đổi về thang điểm 100.

- Mức độ hoàn thành = Tổng điểm đạt được (cột số 3)/Tổng điểm tối đa được đánh giá (cột số 4).

- Đối với những đơn vị đạt từ 85% đến dưới 90% tổng điểm tối đa của các Chỉ số cải cách nền hành chính và có Chỉ số được xếp đứng đầu trong danh sách các cơ quan, đơn vị có cùng xếp hạng thì người đứng đầu đơn vị đó được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

- Đối với những đơn vị đạt từ 65% đến dưới 70% tổng điểm tối đa của các Chỉ số cải cách nền hành chính và có Chỉ số được xếp từ thứ hai trở lên trong danh sách các cơ quan, đơn vị có cùng xếp hạng thì người đứng đầu đơn vị đó được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ.

- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: viết tắt là "HTXSNV".

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ: viết tắt là "HTTNV".

Phụ lục II

ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU UBND CẤP HUYỆN TRONG THỰC HIỆN CÁC CHỈ SỐ CẢI CÁCH NỀN HÀNH CHÍNH TỈNH HƯNG YÊN NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 2628/QĐ-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh Hưng Yên)

Stt	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị công tác	Năm 2023				Trong đó:											
			Mức độ hoàn thành	Phần trăm tổng điểm đạt được so với tổng điểm tối đa được đánh giá	Tổng điểm đạt được	Tổng điểm tối đa được đánh giá	Chỉ số CCHC		Chỉ số SIPAS		Chỉ số PAPI		Chỉ số DDCI		Chỉ số DTI		Chỉ số dân vận chính quyền	
							Điểm tối đa	Điểm đạt được	Điểm tối đa	Điểm đạt được	Điểm tối đa	Điểm đạt được	Điểm tối đa	Điểm đạt được	Điểm tối đa	Điểm đạt được	Điểm tối đa	Điểm đạt được
			(1)	(2)=(3)/(4)*100	(3)=2*(6)+(8)+(10)+(12)+(14)+(16)	(4) =2*(5)+(7)+(9)+(11)+(13)+(15)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
1	Doãn Quốc Hoàn	Chủ tịch UBND thành phố Hưng Yên	HTTNV	84.84	593.89	700.00	100.00	85.11	100.00	81.03	100.00	88.60	100.00	88.46	100.00	71.59	100.00	94.00
2	Trần Chu Đức	Chủ tịch UBND huyện Văn Lâm	HTTNV	83.03	581.22	700.00	100.00	84.95	100.00	82.02	100.00	86.96	100.00	83.13	100.00	67.22	100.00	92.00
3	Bùi Văn Phúc	Chủ tịch UBND huyện Kim Động	HTTNV	82.33	576.28	700.00	100.00	82.40	100.00	79.65	100.00	83.86	100.00	81.53	100.00	69.43	100.00	97.00
4	Đặng Xuân Lương	Chủ tịch UBND huyện Yên Mỹ	HTTNV	81.97	573.79	700.00	100.00	84.59	100.00	80.71	100.00	86.29	100.00	77.89	100.00	69.21	100.00	90.50
5	Nguyễn Khả Phúc	Chủ tịch UBND huyện Phù Cừ	HTTNV	81.20	568.43	700.00	100.00	81.76	100.00	82.22	100.00	87.33	100.00	80.57	100.00	62.29	100.00	92.50
6	Lê Quang Hiến	Chủ tịch UBND thị xã Mỹ Hào	HTTNV	81.00	566.97	700.00	100.00	82.47	100.00	78.17	100.00	83.66	100.00	76.77	100.00	71.43	100.00	92.00
7	Nguyễn Thị Bích Hường	Chủ tịch UBND huyện Tiên Lữ	HTTNV	80.60	564.18	700.00	100.00	81.67	100.00	80.28	100.00	84.46	100.00	77.44	100.00	67.17	100.00	91.50

Stt	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị công tác	Năm 2023				Trong đó:											
			Mức độ hoàn thành	Phần trăm tổng điểm đạt được so với tổng điểm tối đa được đánh giá	Tổng điểm đạt được	Tổng điểm tối đa được đánh giá	Chỉ số CCHC		Chỉ số SIPAS		Chỉ số PAPI		Chỉ số DDCI		Chỉ số DTI		Chỉ số dân vận chính quyền	
							Điểm tối đa	Điểm đạt được	Điểm tối đa	Điểm đạt được	Điểm tối đa	Điểm đạt được	Điểm tối đa	Điểm đạt được	Điểm tối đa	Điểm đạt được	Điểm tối đa	Điểm đạt được
8	Phạm Xuân Thắng	Chủ tịch UBND huyện Khoái Châu	HTTNV	80.25	561.74	700.00	100.00	81.61	100.00	79.09	100.00	79.77	100.00	81.86	100.00	71.31	100.00	86.50
9	Dương Tuấn Kiệt	Chủ tịch UBND huyện Ân Thi	HTTNV	78.46	549.22	700.00	100.00	80.06	100.00	76.99	100.00	79.95	100.00	76.26	100.00	67.40	100.00	88.50
10	Chu Quốc Hiệu	Chủ tịch UBND huyện Văn Giang	HTTNV	77.59	543.16	700.00	100.00	75.10	100.00	78.98	100.00	82.65	100.00	76.42	100.00	64.42	100.00	90.50

Ghi chú:

- Điểm các Chỉ số được quy đổi về thang điểm 100.

- Mức độ hoàn thành = Tổng điểm đạt được (cột số 3)/Tổng điểm tối đa được đánh giá (cột số 4).

- Đối với những đơn vị đạt từ 85% đến dưới 90% tổng điểm tối đa của các Chỉ số cải cách nền hành chính và có Chỉ số được xếp hạng đứng đầu trong danh sách cơ quan, đơn vị có cùng xếp hạng thì người đứng đầu đơn vị đó được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: viết tắt là "HTXSNV".

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ: viết tắt là "HTTNV".